

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HSST

Ngày 28 - 6 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: : Ông **Hoàng Nguyễn Hoài Thương** – Phó bí thư xã
Đoàn UBND xã Lộc Thái

Bà Nguyễn Kim Phụng – Cán bộ hưu trí

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Lệ Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Thủy Tiên** – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Văn T (Tên gọi khác: T Cửa Rừng), sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp Tân Lập, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề ngH: Làm thuê; Con ông: Vũ Văn B, sinh năm 1956 và bà Lê Thị Ph, sinh năm 1963; Bị cáo có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2000; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 06/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt: 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” đến ngày 16/12/2016 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai – Bộ Công an từ ngày 19/3/2018 theo bản án số: 70/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2/ Nguyễn Hùng V (Tên gọi khác: Dương) sinh ngày 09/4/2001; Nơi cư trú: Ấp Tân Phú, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề ngH: Làm thuê; Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm: 1961 và bà Trần Thị M, sinh năm: 1964; Có

04 anh chị em, lớn nhất sinh năm: 1985, nhỏ nhất là bị cáo; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án Không; Tiền sự: Ngày 15/10/2017, bị Công an xã TH, huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Long Hòa, tỉnh Long An – Bộ Công an từ ngày 26/02/2018 theo bản án số: 38/2018/ST – HS ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước về tội: “Cố ý gây thương tích” xử phạt 02 năm tù.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

** Bị hại:*

Ông: **Nguyễn Cao H**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Ấp Thắng Lợi, xã P, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hùng V*

1/ Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1961 (Có mặt)

2/ Bà: **Trần Thị M**, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Cùng có nơi cư trú: Ấp Tân Phú, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hùng V*

Ông: **Đàm Văn Đức** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Bình Phước.

Có mặt tại phiên tòa

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà: **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Ấp Thắng Lợi, xã P, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

** Người làm chứng:*

1/ Bà: **Đinh Thị Phương H2**, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Số 189, tổ 4, thôn Lạc Lâm, xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa

2/ Ông: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Ấp Đồng Kèn 2, xã TH, huyện TH, tỉnh Tây Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa

3/ Ông: **Võ Văn C**, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Ấp Tân Lập, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

4/ Bà: **Danh Thị Thanh X**, sinh ngày 01/01/2001

Nơi cư trú: Ấp H Hoàn, xã Lộc H, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

5/ Bà **Võ Thị Hồng M**, sinh ngày 02/02/2001

Nơi cư trú: Ấp Tân Lập, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 25/02/2018, bị cáo Nguyễn Hùng V đang ngủ tại nhà trọ “Hương Lê” của bà Đặng Thị Hư thuộc ấp H, xã Lộc H, huyện N thì nghe tiếng ồn ào phía ngoài phòng trọ nên bị cáo V thức dậy đi ra ngoài phòng trọ thì thấy bị cáo Vũ Văn T là bạn quen biết với bị cáo V đang cầm một con dao tự chế dài khoảng 80 cm đứng trước đầu xe mô tô Sirius biển số: 93F1 – 075.97 của ông Nguyễn Cao H và bà Đinh Thị Phương H2. Bị cáo T cầm dao chỉ vào mặt H nói: “Sao hồi nãy tao kêu mày, mày không trả lời”, vừa nói bị cáo T vừa cầm dao gõ vào đầu xe của ông H. Bị cáo V đi bộ đến chỗ bị cáo T thì bị cáo T lấy 01 ĐTDĐ Nokia 130 của ông H đưa cho bị cáo V nói bị cáo V lấy số của ông H để gọi uống cà phê nhưng không gọi được nên bị cáo V trả điện thoại lại cho ông H. Lúc này, bị cáo T dùng tay kẹp cổ bị cáo V và nói: “Không có tiền tiêu xài”, đồng thời chỉ vào xe mô tô Sirius biển số: 93F1 – 075.97 của anh H, bị cáo V biết bị cáo T muốn chiếm đoạt xe của H. Sau đó, bị cáo T nói H để H2 ở lại và chở bị cáo T và bị cáo V đi tìm bạn của bị cáo T đang bị đánh. H điều khiển xe Sirius biển số: 93F1 – 075.97 chở bị cáo T cầm dao tự chế ngồi giữa chỉ đường, bị cáo V ngồi phía sau. Khi đến khu vực đường đất vắng người thuộc ấp T, xã Lộc H thì bị cáo T nói H dừng xe, bị cáo T và bị cáo V xuống xe, bị cáo V đi vệ sinh cách bị cáo T khoảng 2m, lúc này H vừa quay đầu xe định đi về thì bị cáo T cầm dao chém H và nói: “Tao chém chết mày” theo hướng từ trên xuống, H tránh nên trúng vào chân phải gây thương tích, H bỏ chạy, bị cáo T đuổi theo H, còn bị cáo V đến lấy xe mô tô của H nổ máy điều khiển xe bỏ chạy được khoảng 30 m thì dừng lại chờ bị cáo T. Sau khi đuổi chém H, bị cáo T đi bộ lại chỗ bị cáo V và cùng bị cáo V điều khiển xe mô tô chiếm đoạt của anh H về phòng trọ của bị cáo V, khi đến phòng trọ bị cáo T nói ngày mai sẽ tính, sau đó bị cáo T điều khiển xe bỏ trốn.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 05/03/BBKL.ĐGTS ngày 07/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N thì 01 xe mô tô Sirius biển số: 93F1 – 075.97 có giá: 11.500.000 đồng .

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu được con dao tự chế bị cáo T dùng để chém anh H và không thu được xe mô tô Sirius biển số: 93F1 – 075.97 hai bị cáo chiếm đoạt của H.

Tại bản cáo trạng số 03/Ctr – VKSBL ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố hai bị cáo Vũ Văn T và Nguyễn Hùng V về tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T** từ **07** đến **08** năm tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt từ 14 năm 06 tháng đến 15 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hùng V** từ **05** đến **06** năm tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về vật chứng của vụ án: Đối với con dao tự chế bị cáo T dùng chém người bị hại và Chiếc xe mô tô Sirius biển số: 93F1 – 075.97 hai bị cáo chiếm đoạt của người bị hại quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu giữ được.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện N, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của hai bị cáo: Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay các bị cáo hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào ngày 25/02/2018 tại ấp T, xã Lộc H, huyện N, Vũ Văn T và Nguyễn Hùng V đã thực hiện hành vi dùng dao dài khoảng 80 cm chém anh Nguyễn Cao H, chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số: 93F1 – 075.97 trị giá: 11.500.000 đồng. Trong đó, T là người khởi xướng và dùng vũ lực là dao chém anh H để V chiếm đoạt xe mô tô của anh H.

Tại phiên tòa ông Đàm Văn Đức – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Bình Phước bào chữa cho bị cáo V: Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng mà đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo V như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị có tác động gia đình bồi thường 500.000 đồng khắc phục hậu quả, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên am hiểu pháp luật còn hạn chế, bị cáo là đồng phạm giúp sức cho bị cáo T, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo V là 04 năm 06 tháng tù.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn do hai bị cáo Vũ Văn T và Nguyễn Hùng V cùng thực hiện với lỗi cố ý, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi phạm tội của hai bị cáo là lừa lỉnh, xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Để có cơ sở quyết định hình phạt cần đi sâu phân tích hành vi của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Vũ Văn T, bị cáo là người trưởng thành, biết rõ hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, xem thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện. Chính bị cáo là người trực tiếp chặn xe của người bị hại, khởi xướng và là người trực tiếp dùng dao chém anh H để bị cáo V chiếm đoạt tài sản. Xét về nhân thân của bị cáo. Ngày 16/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt: 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 70/2015/HSST, đến ngày 16/12/2016 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Ngoài ra ngày 24/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt: 04 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp giật tài

sản” tại bản án số 230/2018/HSST; Ngày 30/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt: 03 năm về tội: “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 70/2018/HSST.

Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 25/02/2018. Theo bản án số 230/2018/HSST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An và bản án số 70/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử bị cáo sau ngày bị cáo phạm tội trong vụ án này nên không xem là tiền án của bị cáo. Do bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt của bản án số 230/2018/HSST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An và bản án số 70/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Hùng V. Lẽ ra khi thấy bị cáo T chặn xe của người bị hại bị cáo phải cương quyết can ngăn. Trái lại, khi bị cáo T nói “Không có tiền tiêu xài và lấy xe này” và bị cáo T chỉ vào xe của anh H thì bị cáo V hiểu ý bị cáo T muốn cướp xe của người bị hại nên tiếp thu ý chí phạm tội của bị cáo T. Khi bị cáo T chém người bị hại, chính bị cáo là người trực tiếp chiếm đoạt xe của người bị hại. Xét về nhân thân của bị cáo. Ngày 15/10/2017, bị cáo bị Công an xã TH, huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Sử dụng trái phép chất ma túy” tính đến ngày phạm tội (Ngày 25/02/2018) bị cáo chưa được xóa tiền sự. Ngoài ra ngày 25/6/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt: 02 năm về tội: “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 38/2018/HSST. Tuy nhiên, bản án số 38/2018/HSST ngày 25/6/2018 của tòa án nhân dân huyện Đ xét xử bị cáo sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét là tiền án của bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân xấu, do đó Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt của bản án số 38/2018/HSST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo V khi phạm tội là người chưa thành niên (16 tuổi 10 tháng 16 ngày) nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 500.000 đồng. Đây là tình tiết

xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hình phạt và Trợ giúp viên pháp lý đề nghị các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo V được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tang vật của vụ án:

Đối với con dao tự chế bị cáo T dùng chém người bị hại và Chiếc xe mô tô Sirius biển số: 93F1 – 075.97 hai bị cáo chiếm đoạt của người bị hại quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu giữ được. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự.

Chiếc xe mô tô Sirius biển số: 93F1 – 075.97 hai bị cáo chiếm đoạt của người bị hại Nguyễn Cao H là tài sản của bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ của ông H). Bà H1 giao xe cho ông H sử dụng. Tại phiên Tòa ông H vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra ông H yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường giá trị xe cho ông H với số tiền 11.500.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*). Xét yêu cầu của ông H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo V là người chưa thành niên, không có tài sản chung do đó cần buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị M là cha, mẹ của bị cáo V liên đới với bị cáo T bồi thường cho ông H số tiền 11.500.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*). Theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 5.750.000 đồng. Riêng ông S và bà M đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 5.250.000 đồng. Hoàn trả cho ông H số tiền 500.000 đồng do gia đình bị cáo V đã bồi thường.

[6] Về án phí:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn T** (T Cửa Rừng) và bị cáo **Nguyễn Hùng V** (Dương) phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T 07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 70/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là **15** (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2018. Theo bản án số 70/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 90; Điều 91, Điều 101, Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hùng V 05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù của bản án số 38/2018/HSST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2018. Theo bản án số 38/2018/HSST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

2/ Về trách nhiệm dân sự

Áp dụng Điều 589, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc ông Nguyễn Văn Sở và bà Trần Thị Mỹ là cha, mẹ của bị cáo V liên đới với bị cáo Vũ Văn T bồi thường cho ông Nguyễn Cao H số tiền 11.500.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó ông Nguyễn Văn Sở và bà Trần Thị Mỹ phải liên đới bồi thường số tiền 5.250.000 đồng (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo Vũ Văn T phải bồi thường 5.750.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Cao H số tiền 500.000 đồng do gia đình bị cáo Nguyễn Hùng V đã bồi thường. Số tiền kèm theo hồ sơ vụ án.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015”.

“Trong trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3/ Án phí sơ thẩm:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hùng V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hùng V là ông Nguyễn Văn Sở và bà Trần Thị Mỹ phải liên đới chịu 262.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Buộc bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 287.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện N
- Bị cáo
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục THADS huyện N
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện N
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng